CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP TTBGROUP

Ngày 30/06/2025	1,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q2/25
26.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.10| -18.7%
YoY: ▼7.10| -21.1%

LN thuần
Q2/25
0.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01| -10.3%
YoY: ▲ 0.38| 116%

LN sau thuế
Q2/25
0.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01| -10.3%
YoY: ▲ 0.38| 116%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.2%
YoY: +/-▲ 0.9%

ROE (TTM)
Q2/25
0.1%
YoY: +/-▲ 0.0%

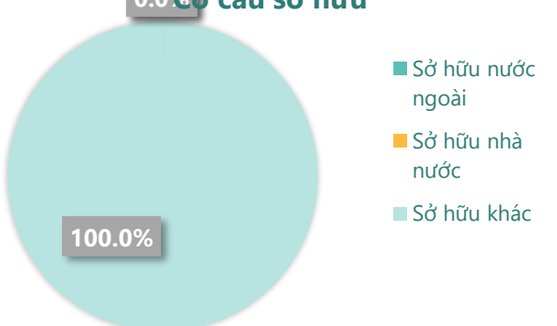
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,800 - 1,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	183
Số lượng CPLH (CP)	101,509,583
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	8
P/E	213.1

DT thuần
6T 2025
59.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.7| 42.1%

LN thuần
6T 2025
0.11
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.80| 116%

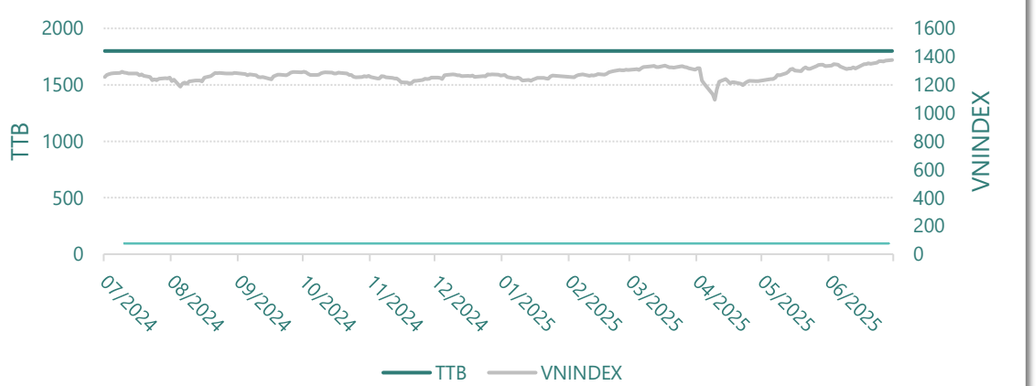
LN sau thuế
6T 2025
0.11
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.80| 116%

Cơ cấu sở hữu

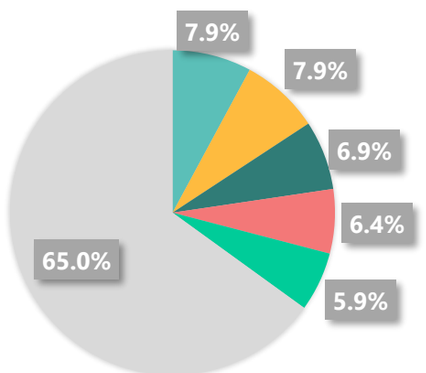


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

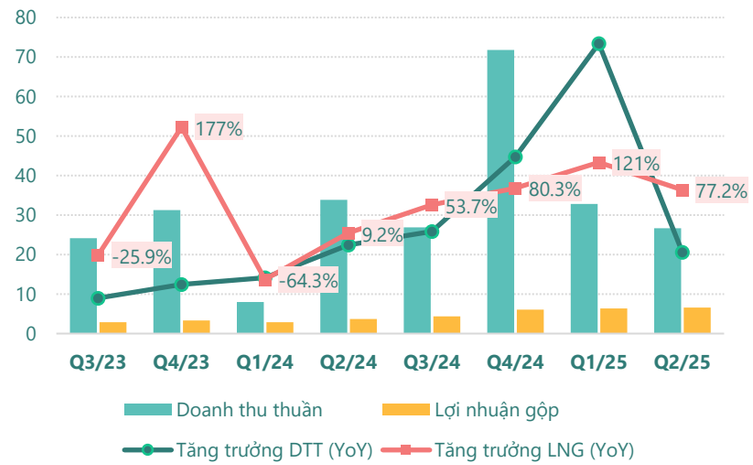


- Công ty TNHH Bắc Nam Thái Nguyên
- Công ty TNHH MTV Quyết Thắng QT
- Công ty TNHH Công nghiệp Anh Thảo
- Công ty TNHH Ngọc Bích
- Công ty TNHH TPVA Hà Nội
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

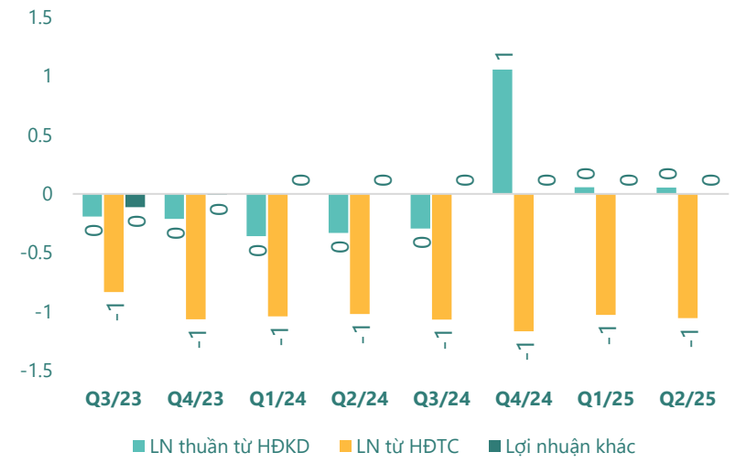
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



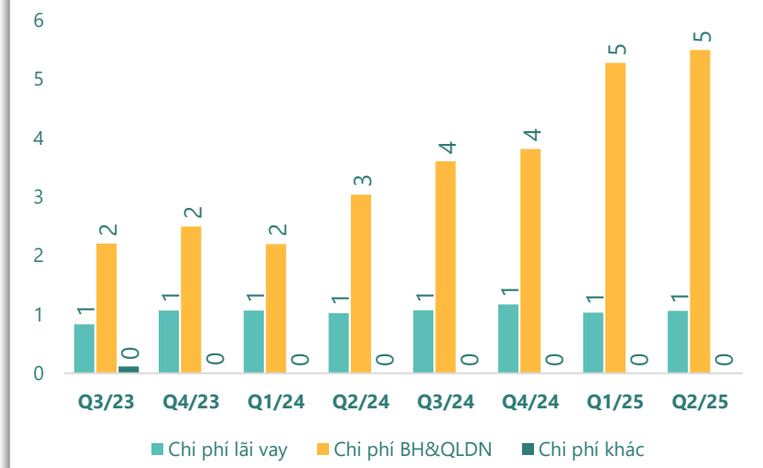
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



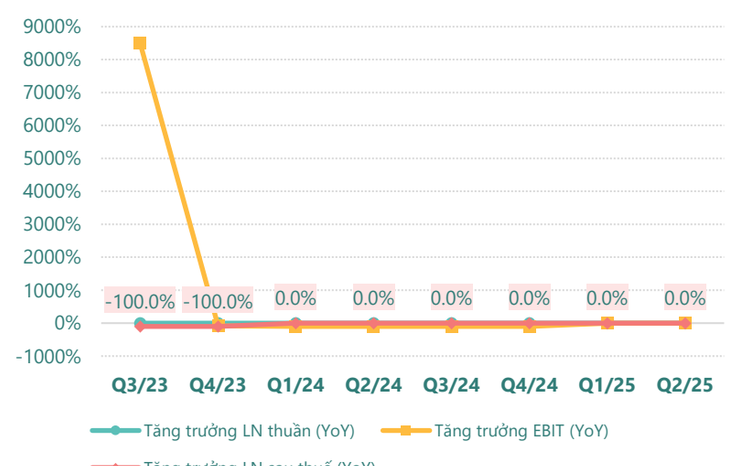
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



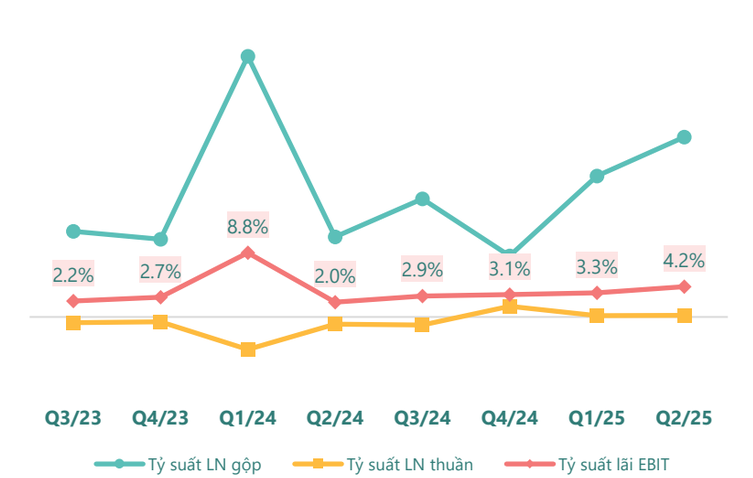
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



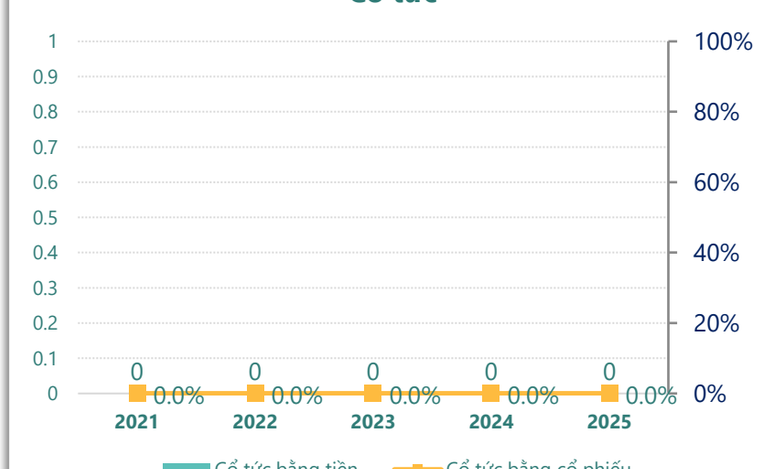
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

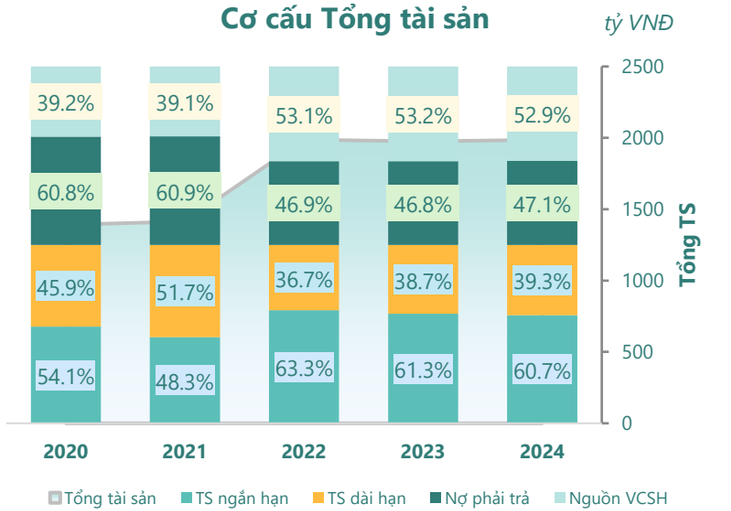
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

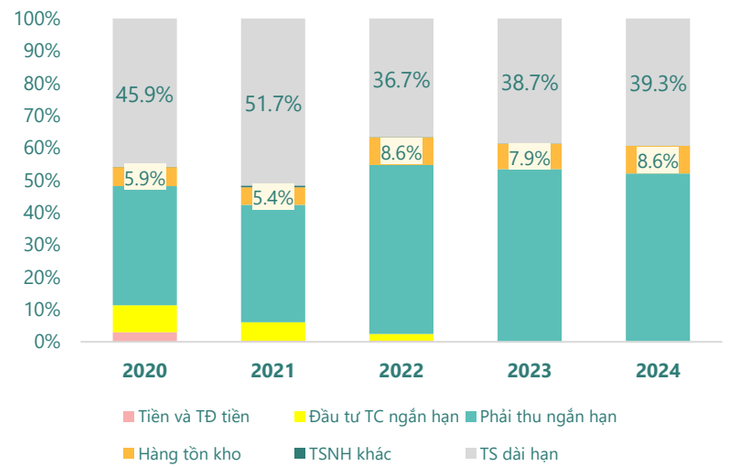
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



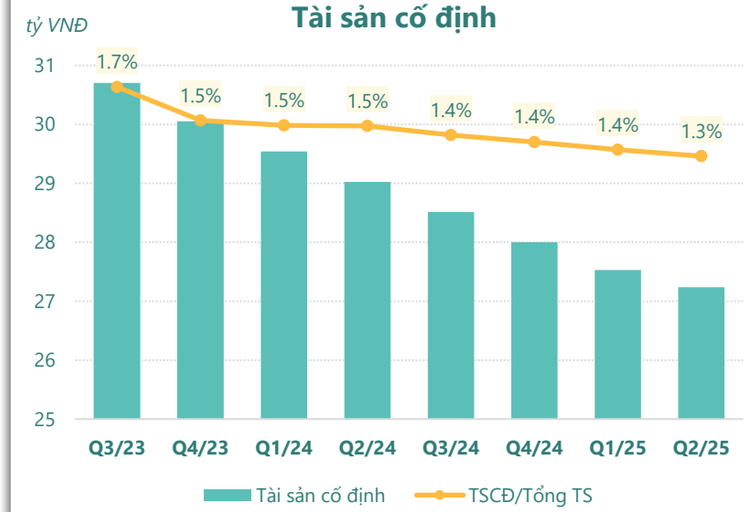
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



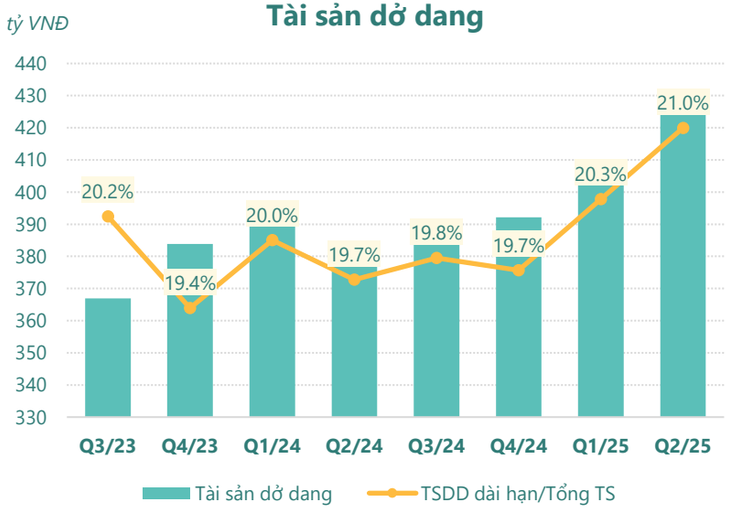
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



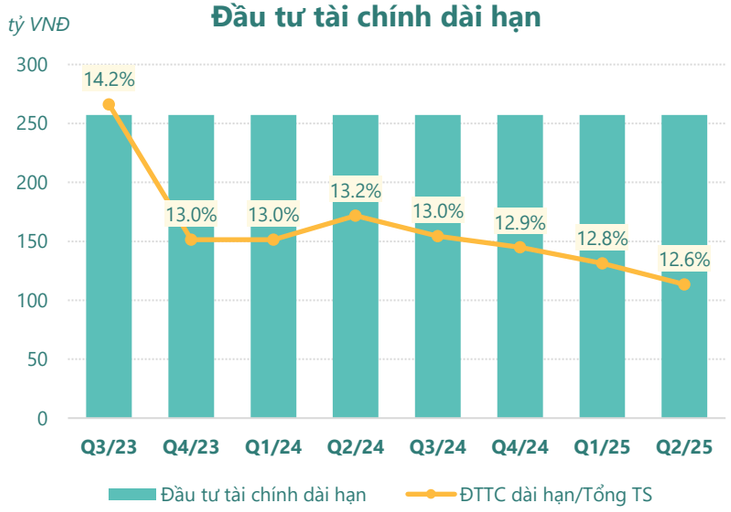
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



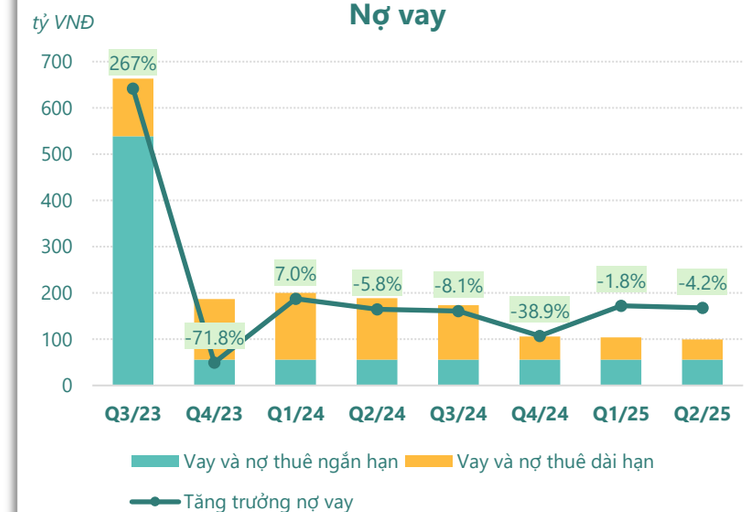
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

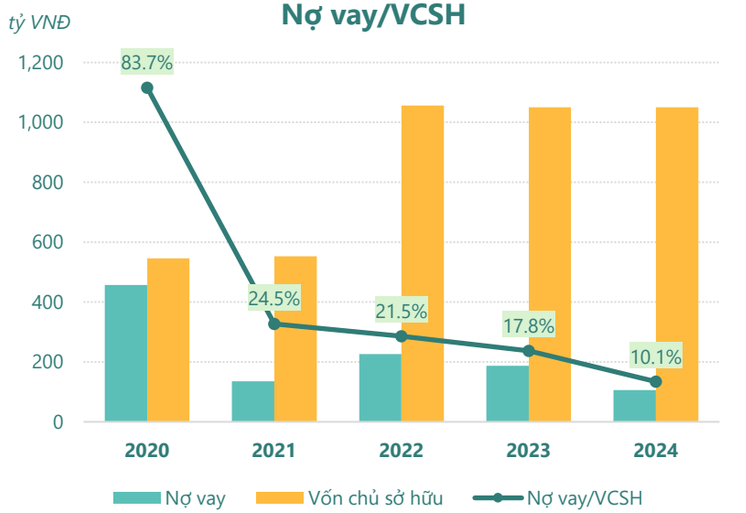
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

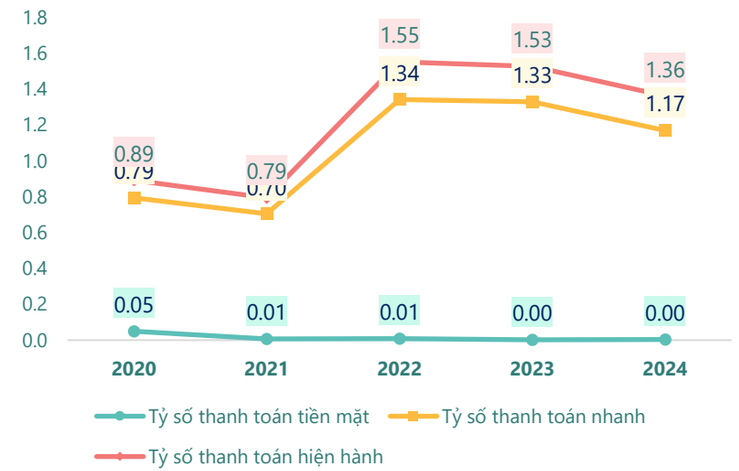
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



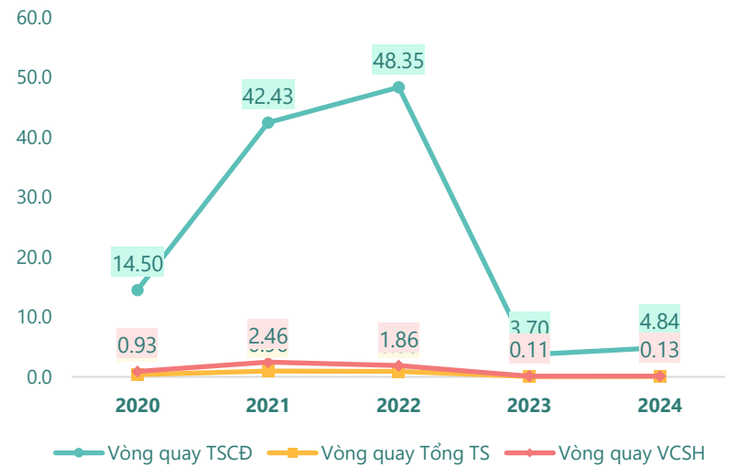
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



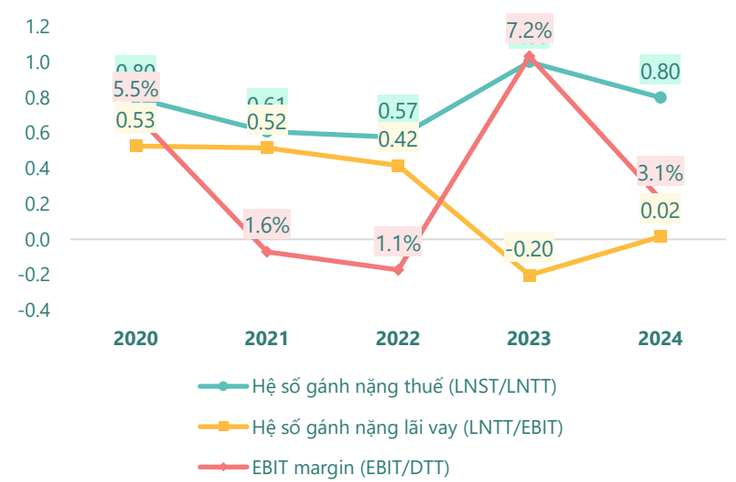
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



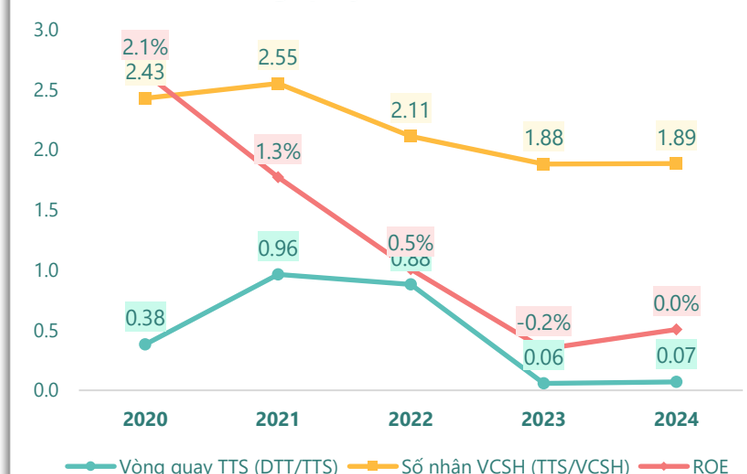
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



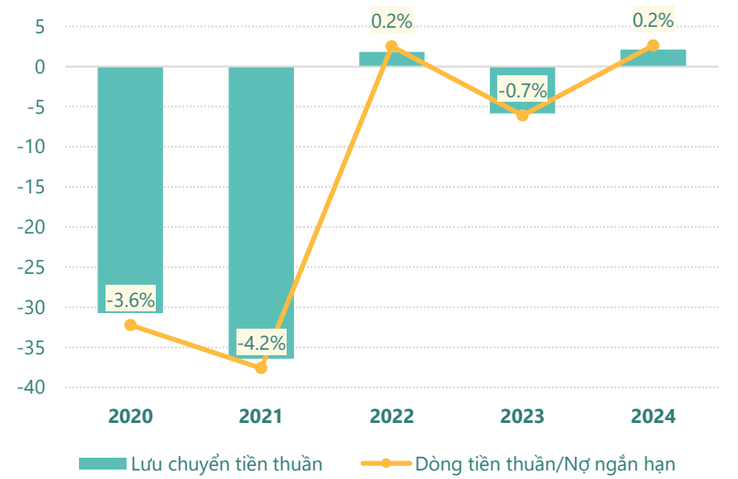
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**26.7**	**33.8**	**-21.1%**	**59.5**	**41.8**	**42.1%**
Giá vốn hàng bán	20.1	30.1	-33.3%	46.5	35.2	31.9%
Lợi nhuận gộp	6.61	3.73	77.1%	13.0	6.61	96.2%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.03	-85.5%
Chi phí TC	1.06	1.02	3.9%	2.09	2.09	0.0%
Chi phí lãi vay	1.06	1.02	3.9%	2.09	2.09	0.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.46	0.50	-7.3%	0.89	0.99	-10.7%
Chi phí QLDN	**5.03**	**2.54**	**98.1%**	**9.89**	**4.25**	**133%**
LN thuần từ HĐKD	0.05	-0.33	116%	0.11	-0.69	116%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	0.05	-0.33	116%	0.11	-0.69	116%
Lợi nhuận sau thuế	**0.05**	**-0.33**	**116%**	**0.11**	**-0.69**	**116%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.05**	**-0.33**	**116%**	**0.11**	**-0.69**	**116%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.07	16.5	49.3	109	40.7	40.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.3	-4.28	-32.3	-41.0	-34.4	-30.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	13.0	-11.6	-15.2	-67.4	-1.86	-4.37
Tiền đầu kỳ	1.48	1.09	2.73	6.16	3.59	8.03
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.39**	**0.54**	**1.80**	**0.16**	**4.44**	**5.82**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.09	2.73	6.16	3.59	8.03	21.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,035**	**1,986**	**2.5%**
Tài sản ngắn hạn	1,220	1,205	1.3%
Tiền và tương đương tiền	13.8	3.59	286%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,039	1,030	0.8%
Hàng tồn kho	166	170	-2.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.72	0.85	103%
Tài sản dài hạn	**815**	**781**	**4.3%**
Phải thu dài hạn	90.0	90.0	0.0%
Tài sản cố định	27.2	28.0	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	426	392	8.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	257	257	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**14.1**	**13.9**	**1.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	985	935	5.3%
Nợ ngắn hạn	**940**	**885**	**6.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.5	55.5	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	547	540	1.3%
Nợ dài hạn	44.1	50.3	-12.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	44.1	50.3	-12.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,051**	**1,051**	**0.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,051**	**1,051**	**0.0%**
Vốn điều lệ	1,015	1,015	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)